



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

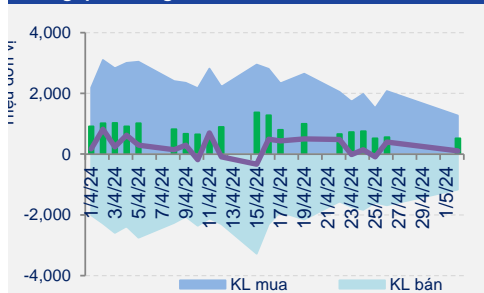
2/5/2024

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

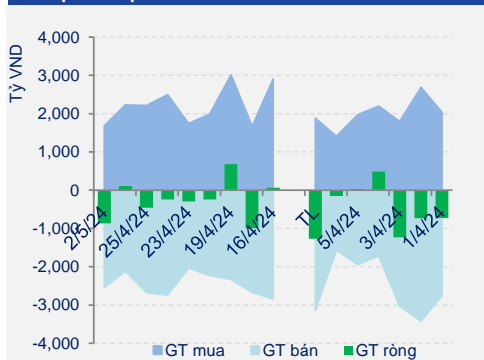
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,216.36	227.49
% Thay đổi	↑ 0.57%	↑ 0.30%
KLGD (CP)	524,080,947	49,001,437
GTGD (tỷ đồng)	14,358.08	1,027.93
Tổng cung (CP)	1,169,681,444	82,382,700
Tổng cầu (CP)	1,274,500,069	79,917,000

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	71,367,856	2,150,241
KL mua (CP)	34,487,513	993,300
GT mua (tỷ đồng)	1,683.21	35.82
GT bán (tỷ đồng)	2,550.43	54.50
GT ròng (tỷ đồng)	(867.22)	(18.68)

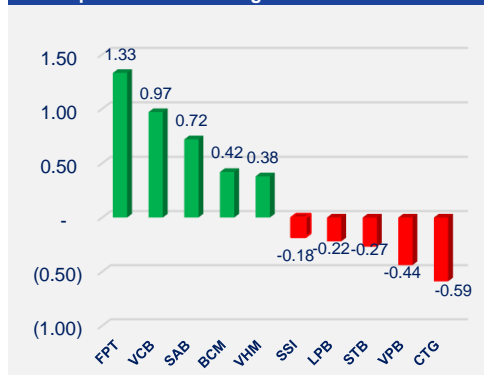
Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau kỳ nghỉ lễ, thị trường khởi đầu tháng 05/2024 với nhiều thông tin quan trọng như: CPI tháng 4/2024 tăng 0,07% MoM, tăng 1,19% Ytd và tăng 4,4% YoY. Bình quân bốn tháng đầu năm 2024, CPI tăng 3,93% YoY; lạm phát cơ bản tăng 2,81%; PMI ngành sản xuất Việt Nam đã tăng trở lại lên trên ngưỡng 50 điểm trong tháng 4, ở mức 50,3 điểm; FED quyết định giữ nguyên mức lãi suất ở mức 5,25%-5,5% trong kỳ họp tháng 5, bác bỏ khả năng tăng lãi suất trong tháng 6 và Fed cho biết sẽ giảm tốc độ thu hẹp bảng cân đối kế toán từ tháng 6 năm nay.

Sau tuần hồi phục và lấy lại mốc hỗ trợ tâm lý 1.200 điểm, VN-INDEX tiếp tục có phiên giao dịch tích cực khi đầu phiên tiếp tục phục hồi tăng điểm, rung lắc nhẹ trong phiên và duy trì tăng điểm đến cuối phiên. Kết phiên VN-INDEX tăng 6,84 điểm (+0,57%) lên mức 1.216,36 điểm, vượt lên vùng giá cao nhất năm 2018 tương ứng 1.200 điểm - 1.211 điểm và đang hướng đến vùng giá 1.216,61 điểm - 1.223 điểm tương ứng vùng giá cao và thấp nhất của các phiên giảm điểm mạnh ngày 15-17/04/2024. HNX-INDEX tăng 0,67 điểm (0,30%) lên mức 227,49 điểm. Độ rộng thị trường trên 02 sàn giao dịch phục hồi tích cực với 353 mã tăng (15 mã tăng trần), trong đó có nhiều mã rất tích cực khi đã vượt lên vùng giá cao nhất của phiên giảm mạnh 15/04/2024, 281 mã giảm giá (10 mã giảm sàn) và 149 mã giữ giá tham chiếu.

Giá trị khớp lệnh trên hai sàn niêm yết chỉ đạt 15.362,28 tỷ đồng, dưới mức trung bình, trong đó khối lượng giao dịch tại HOSE giảm 10,58% so với phiên trước cho thấy mức độ phục hồi không đồng đều, phân hóa mạnh ở các nhóm ngành, các mã phục hồi tốt đa số có kết quả kinh doanh quý I khá tích cực. Khối ngoại tiếp tục gia tăng bán ròng liên tục trên HOSE với giá trị 911,61 tỷ đồng trong phiên hôm nay; bán ròng khá đột biến các cổ phiếu như BWE, nhóm cổ phiếu ngân hàng...; bán ròng trên HNX với giá trị 18,68 tỷ đồng.

Nhóm cổ phiếu công nghệ, viễn thông tiếp tục có diễn biến tích cực, dẫn dắt thị trường tiếp tục phục hồi, nhiều mã tiếp tục tăng giá mạnh, thanh khoản gia tăng tích cực như FOX (+5,93%), CMG (+3,36%), FPT (+3,33%), CTR (+2,82%)... Các cổ phiếu ngành điện sau giai đoạn chịu áp lực giảm giá mạnh đã phục hồi mạnh trước thông tin Bộ Công Thương hoan thành Nghị định về cơ chế mua bán điện trực tiếp với PPC (+6,69%), QTP (+5,84%), POW (+5,71%), NT2 (+4,67%), REE (4,22%)... Các cổ phiếu nhóm phân bón nhiều mã cũng phục hồi mạnh, thanh khoản gia tăng khi kết quả kinh doanh quý I nhiều mã tích cực như DDV (+6,12%), DCM (+4,40%), DPM (+3,01%)...

rong khi đó các cổ phiếu ngân hàng có diễn biến kém tích cực hơn, đa số biến động hẹp, thanh khoản suy giảm dưới mức trung bình với NVB (+2,25%), SHB (+2,18%), VIB (+1,42%)... SGB (-2,86%), STB (-2,13%), LPB (-1,91%)... Các cổ phiếu nhóm dịch vụ tài chính, chứng khoán có diễn biến tiêu cực hơn khi thanh khoản thị trường ở mức thấp và hệ thống KRX vẫn chưa chính thức hoạt động, đa số mã chịu áp lực điều chỉnh như BVS (-3,95%), CSI (-3,24%), HCM (-2,59%), AGR (-2,50%)... ngoại trừ TVS (+2,13%), IVS (+1,77%)...

Nhóm cổ phiếu bất động sản có diễn biến phân hóa tích cực hơn, nhiều mã phục hồi tốt, thanh khoản cải thiện như AGG (+6,91%), QCG (+5,92%), NBB (+3,82%)... ngoài các mã vẫn chịu áp lực điều chỉnh LGL (-4,67%), DIG (-3,42%), TDH (-2,28%)... Các cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp cũng phân hóa mạnh, đa số các mã phục hồi tốt đều có kết quả kinh doanh tích cực như IDC (+4,98%), BCM (+3,05%), SIP (+2,96%)...

Trên thị trường phái sinh kỳ hạn VN30F2405 tăng 10 điểm (0,81%), chênh lệch âm -4,81 điểm so với VN30, khối lượng giao dịch giảm mạnh 35,45% so với phiên trước. Xu hướng ngắn hạn VN30F2405 đang phục hồi sau đợt giảm mạnh với hỗ trợ gần nhất quanh 1.232 điểm, giá thấp nhất ngày 15/04. Kháng cự gần nhất 1.245 điểm, tương ứng giá trung bình MA20 phiên. Các kỳ hạn VN30F2406, VN30F2409 chênh lệch từ -4,31 điểm đến 2,49 điểm so với VN30 cho thấy các trader nghiêng về VN30 sẽ điều chỉnh nhẹ trở lại trong ngắn hạn, gia tăng các vị thế phòng ngừa rủi ro cho VN30.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

273



Thị trường tiếp đã phục hồi như chúng tôi đã dự báo sau khi Vn-Index lấy lại và giữ vững được vùng 1.200 điểm. Đóng cửa chỉ số tăng nhẹ 6,84 điểm (+0,57%) lên mức 1.216,36 điểm.

Trong ngắn hạn, thị trường đang diễn biến theo kịch bản tích cực là hoàn thành mô hình w nhỏ tại vùng 1.170 điểm và phục hồi sau đợt giảm điểm mạnh, ngưỡng kháng cự gần của chỉ số là vùng 1.225 điểm và xa hơn là 1.250 điểm, tương ứng cạnh trên của vùng tích lũy trung hạn.

Trong trung hạn, việc để mất vùng 1.250 điểm đã khiến Vn-Index đánh mất động lực hình thành uptrend và chỉ số dự báo sẽ dao động trong vùng giá 1.150 điểm – 1.250 điểm để tích lũy trở lại và quá trình này sẽ kéo dài sau diễn biến giảm điểm vừa qua.

Thị trường dự báo sẽ có các nhịp rung lắc trên đường tiếp tục hồi phục hướng tới vùng 1.225 điểm – 1.250 điểm. Nhà đầu tư ngắn hạn đã giải ngân theo khuyến nghị của chúng tôi tại phiên Vn-Index xác nhận mô hình w nhỏ tiếp tục nắm giữ danh mục và tránh mua đuổi khi chỉ số tiền gần tới các ngưỡng kháng cự. Những nhà đầu tư đang có tỷ trọng lớn có thể tranh thủ nhịp hồi phục sắp tới để cơ cấu lại danh mục, hạ tỷ trọng về mức an toàn.

Nhà đầu tư trung - dài hạn có thể tiếp tục chiến lược giải ngân dần trong các nhịp giảm điểm, mục tiêu là các mã cổ phiếu đầu ngành, dự báo có triển vọng tích cực trong năm nay.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

2/5/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
IDC	59.00	47-51	60-61	52	14.0	85.4%	167.2%	Theo dõi giải ngân
DPR	38.25	34.5-36.5	43-44	35	16.1	6.6%	61.9%	Theo dõi giải ngân
CTD	66.5	59-62	78-80	57	35.0	-9.2%	265.9%	Theo dõi giải ngân
FPT	127.3	110-114	134-136	100	24.9	12.6%	27.9%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
27/12/2023	TNH	20.70	18.09	23-24	21	14.4%	Nắm giữ
16/4/2024	LHG	32.10	32	38-39	31	0.3%	Nắm giữ
16/4/2024	DPM	32.55	32.2	37-38	31	1.1%	Nắm giữ
16/4/2024	PVP	14.95	14.2	18-18.5	14.5	5.3%	Nắm giữ
16/4/2024	DPR	38.25	36.8	43-44	35	3.9%	Nắm giữ
24/4/2024	KBC	29.00	28.75	32-33	27.8	0.9%	Nắm giữ
24/4/2024	FPT	127.30	114.2	134-136	122	11.5%	Nắm giữ

TIN VĨ MÔ

Chính phủ đề xuất giảm tiếp thuế VAT 6 tháng cuối năm

Chính phủ trình Quốc hội xem xét cho tiếp tục giảm 2% thuế VAT với một số nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng thuế suất 10%. Thời gian áp dụng từ 1/7 đến hết 31/12, kéo dài 6 tháng so với quyết định chốt cuối năm ngoài của Quốc hội. Chính phủ đánh giá việc áp dụng giảm thuế VAT trong 6 tháng cuối năm sẽ làm hụt thu ngân sách 24.000 tỷ đồng (tương đương 4.000 tỷ đồng mỗi tháng). Theo báo cáo của Chính phủ, 6 tháng đầu năm, việc giảm thuế này khiến thu ngân sách hụt 23.488 tỷ đồng. Như vậy, tổng nguồn thu giảm trong cả năm dự kiến 47.488 tỷ đồng.

Ngân hàng nhà nước tiếp tục đấu thầu vàng miếng, giá tham chiếu 82,9 triệu đồng/lượng

Ngân hàng Nhà nước tiếp tục đấu thầu 16.800 lượng vàng miếng SJC vào sáng 3/5 sau khi phiên đấu giá bất thành vào ngày 25/4. Khối lượng vàng miếng dự kiến đấu thầu tương tự như các phiên trước là 16.800 lượng, với giá tham chiếu để tính giá trị đặt cọc là 82,9 triệu đồng/lượng. Trước đó, chỉ có 2 thành viên trúng thầu với tổng khối lượng là 34 lô trên tổng số 16.800 lượng chào bán, với giá trúng thầu cao nhất là 81,33 triệu đồng/lượng và thấp nhất là 81,32 triệu đồng/lượng. Giá vàng SJC tăng khoảng 400 - 500 nghìn đồng/lượng so với trước kỳ nghỉ lễ 30/4 - 1/5.

Fed giữ nguyên lãi suất như dự đoán, thừa nhận khó khăn trong cuộc chiến chống lạm phát

Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) đã quyết định không hạ lãi suất trong bối cảnh cuộc chiến chống lạm phát trở nên căng thẳng hơn. Trong tuyên bố sau cuộc họp, Chủ tịch Fed Jerome Powell đã bày tỏ lo ngại rằng giá cả vẫn đang tăng quá nhanh và cho rằng lạm phát vẫn còn quá cao. Tuy nhiên, các nhà đầu tư hài lòng với bình luận của ông Powell rằng Fed khó có thể tăng lãi suất trở lại. Động thái này cho thấy khả năng Fed tiến tới nới lỏng chính sách tiền tệ đang ngày càng lớn.

Tỷ giá ngoại tệ hôm nay 2/5: Đồng USD giảm sâu sau cuộc họp của FED

Đồng USD tăng vọt sau khi Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed) phát đi tín hiệu rằng họ vẫn đang hướng tới giảm chi phí đi vay, nhưng nhấn mạnh lại việc họ cần chắc chắn rằng lạm phát sẽ tiếp tục hạ nhiệt trước khi cắt giảm lãi suất. Chỉ số US Dollar Index (DXY) giảm 0,59% xuống mức 105,63. Trong khi đó, đồng yên Nhật tăng vọt so với đồng USD vào cuối phiên giao dịch vừa qua do thị trường đang đồn đoán về những động thái can thiệp của các cơ quan tiền tệ Nhật Bản để hỗ trợ đồng yên. Tỷ giá ngoại tệ trong nước cũng giảm 18 đồng so với phiên giao dịch ngày 26/4.

TIN DOANH NGHIỆP**Lợi nhuận Ricons đi lùi trong quý đầu năm**

Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Ricons vừa công bố BCTC hợp nhất quý 1/ 2024 với doanh thu thuần 1,619 tỷ đồng và lãi ròng hơn 14 tỷ đồng, giảm 6% và 9% so với cùng kỳ. Lợi nhuận của Ricons giảm trong quý đầu năm do doanh thu hợp đồng xây dựng và BĐS đầu tư giảm. Tuy nhiên, giá vốn hàng bán giảm mạnh hơn mức giảm doanh thu, khiến lãi gộp đạt gần 59 tỷ đồng, tăng 39%. Tổng tài sản của Ricons giảm 5% so với đầu năm, đạt hơn 7,466 tỷ đồng. Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng không biến động nhiều so với đầu kỳ, ở mức gần 3,687 tỷ đồng. Ricons đang là nhà thầu thi công tại các dự án sân bay Long Thành và nhà ga T3 Tân Sơn Nhất.

Lãi ròng Tập đoàn PAN tăng gấp đôi cùng kỳ

Ông Nguyễn Duy Hưng, Chủ tịch PAN Group tại ĐHQĐ thường niên năm 2024, cho biết công ty đã đạt được kết quả khả quan nhờ doanh thu tăng và biên lợi nhuận cải thiện. BCTC hợp nhất quý 1/2024 của PAN cho thấy doanh thu tăng 37% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận gộp đạt 622 tỷ đồng, tương đương biên lãi gộp 18%. Lợi nhuận sau thuế tăng 58% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 169 tỷ đồng, và lãi ròng 84 tỷ đồng, hơn gấp đôi so với kết quả của quý 1/2023. PAN đã thông qua kế hoạch kinh doanh mới với doanh thu thuần 14.780 tỷ đồng và LNST 882 tỷ đồng, tăng trưởng lần lượt 12% và 8% so với năm trước. Tổng tài sản của PAN giảm nhẹ so với đầu năm, tập trung chủ yếu vào chứng khoán kinh doanh với 6.676 tỷ đồng. Công ty còn có khoản tiền và tương đương tiền 1.754 tỷ đồng, tăng hơn 350 tỷ đồng so với đầu năm.

Phát Đạt (PDR) chốt quyền phát hành thêm hơn 134 triệu cổ phiếu, giá 10.000 đồng/CP

CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt (PDR) thông báo chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm vào ngày 13/ 5. PDR dự kiến phát hành khoảng 134,33 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 5,5:1, giá phát hành 10.000 đồng/ CP. Số cổ phiếu này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong 1 năm và cổ đông không được chuyển nhượng lại quyền mua cổ phần. Tại ĐHQĐ thường niên cuối tuần qua, PDR thông qua kế hoạch tăng vốn khác, bao gồm phát hành gần 131 triệu cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông theo tỷ lệ 15%, phát hành 34,1 triệu cổ phiếu để hoán đổi khoản nợ vay 30 triệu USD tại ACA Vietnam Real Estate III LP và dự kiến phát hành hơn 34 triệu cổ phiếu cho chủ nợ trên. Cổ phiếu sau khi phát hành sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 1 năm.

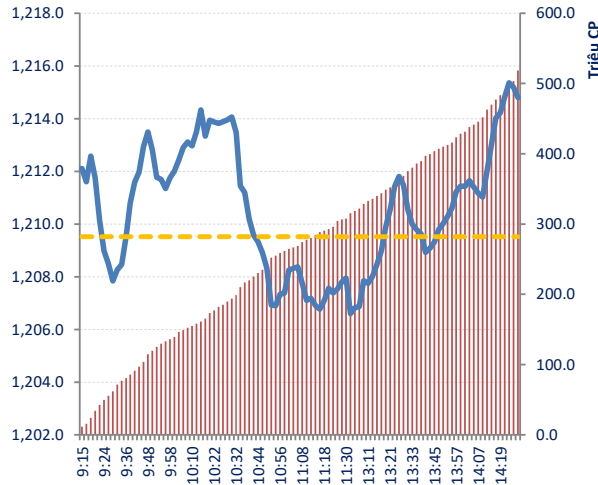
Cổ phiếu TAR bị hủy niêm yết từ 21/05

Cổ phiếu của CTCP Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An (TAR) sẽ bị hủy niêm yết từ ngày 21/05/2024 do BCTC riêng và hợp nhất 2023 của TAR bị tổ chức kiểm toán từ chối cho ý kiến. Đơn vị kiểm toán là AASCS cho rằng không thể đánh giá và định lượng mức độ ảnh hưởng của một số vấn đề đến BCTC hợp nhất năm 2023 của TAR. TAR đang chờ kết quả xác minh của cơ quan chức năng về các vấn đề được nêu trong kết luận thanh tra của UBCKNN ngày 13/ 09/2023. TAR không tiến hành kiểm kê hàng tồn kho tại ngày 31/12/2023 và cũng không thể hỗ trợ việc kiểm kê hàng tồn kho tại thời điểm kiểm toán khiến không thể truy hồi số liệu hàng tồn kho trên BCTC công ty con và BCTC hợp nhất với số tiền gần 113 tỷ đồng.

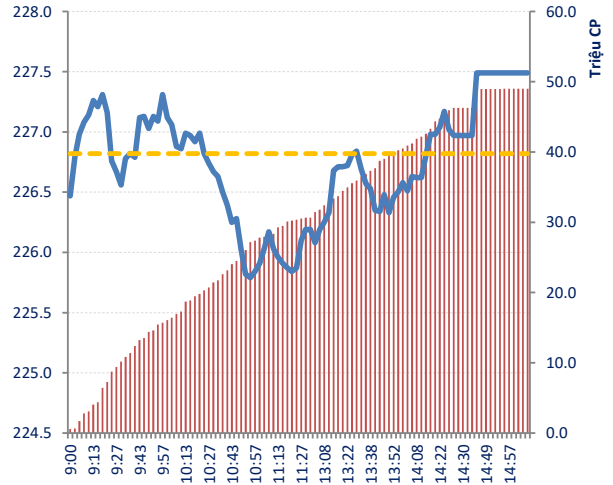


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

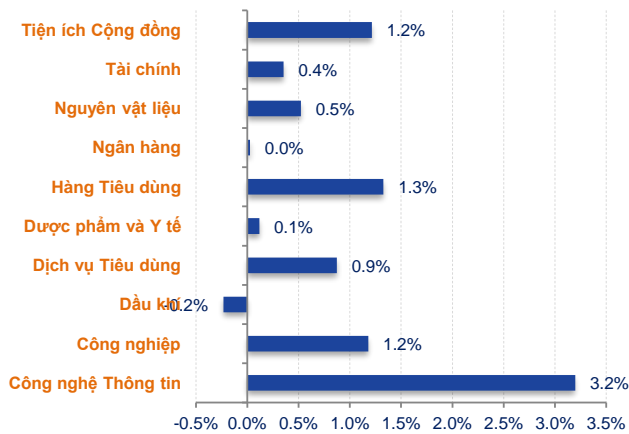
KLGD và VN-Index trong phiên



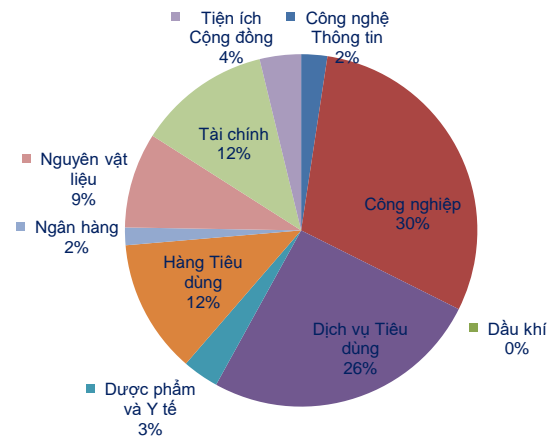
KLGD và HNX-Index trong phiên



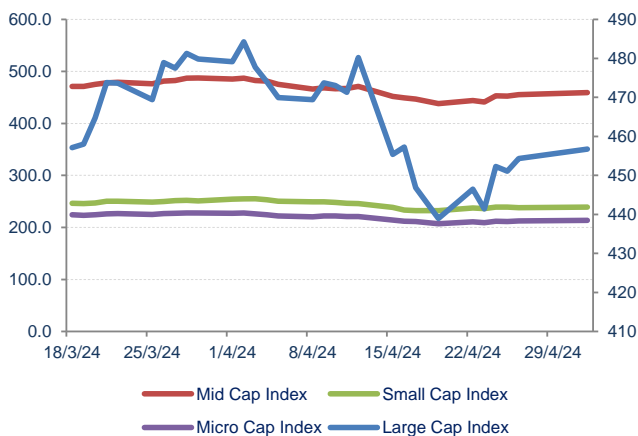
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



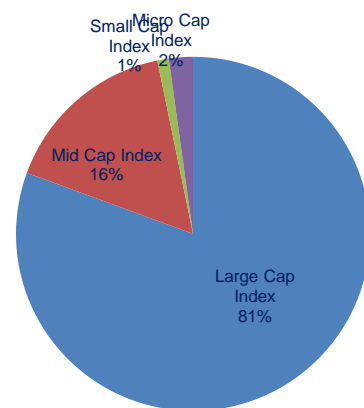
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	MWG	4,353,561	BWE	12,001,600	1	IDC	156,700	CEO	518,000
2	BID	1,110,358	FUESSVFL	6,495,900	2	LAS	129,500	SHS	258,800
3	VNM	688,621	SSI	2,965,682	3	TNG	27,600	MBS	250,770
4	SAB	617,800	DIG	2,279,100	4	SSM	10,000	VGS	121,200
5	VHM	604,448	VPB	2,099,800	5	TKU	10,000	TIG	95,300

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
DIG	27.80	26.85	↓ -3.42%	34,452,500	SHS	18.30	18.20	↓ -0.55%	10,885,550
SHB	11.45	11.70	↑ 2.18%	31,406,100	CEO	18.10	17.90	↓ -1.10%	4,704,068
MWG	54.90	55.60	↑ 1.28%	22,343,900	PVS	39.70	39.30	↓ -1.01%	3,312,495
NVL	15.25	14.95	↓ -1.97%	15,483,600	IDC	56.20	59.00	↑ 4.98%	3,131,388
TCH	16.00	16.30	↑ 1.88%	13,423,400	VHE	3.10	3.20	↑ 3.23%	2,013,296

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HID	3.16	3.38	0.22	↑ 6.96%	PHN	52.10	57.30	5.20	↑ 9.98%
ABR	13.00	13.90	0.90	↑ 6.92%	HGM	49.90	54.80	4.90	↑ 9.82%
AGG	21.70	23.20	1.50	↑ 6.91%	STP	9.20	10.10	0.90	↑ 9.78%
DXV	6.36	6.80	0.44	↑ 6.92%	HKT	4.10	4.50	0.40	↑ 9.76%
BTP	13.95	14.90	0.95	↑ 6.81%	BST	13.50	14.80	1.30	↑ 9.63%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SCD	12.55	11.70	-0.85	↓ -6.77%	L61	3.00	2.70	-0.30	↓ -10.00%
QNP	33.70	31.50	-2.20	↓ -6.53%	SFN	23.50	21.20	-2.30	↓ -9.79%
TDW	49.85	47.00	-2.85	↓ -5.72%	NBW	28.70	25.90	-2.80	↓ -9.76%
LBM	44.95	42.50	-2.45	↓ -5.45%	CAG	13.40	12.10	-1.30	↓ -9.70%
TCO	11.80	11.20	-0.60	↓ -5.08%	DC2	9.30	8.40	-0.90	↓ -9.68%

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
DIG	34,452,500	1.5%	195	142.8	2.1
SHB	31,406,100	15.8%	2,018	5.7	0.8
MWG	22,343,900	0.7%	115	479.1	3.4
NVL	15,483,600	1.3%	311	49.1	0.7
TCH	13,423,400	5.1%	890	18.0	0.9

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	10,885,550	5.7%	688	26.6	1.4
CEO	4,704,068	3.0%	402	45.0	1.5
PVS	3,312,495	7.7%	2,148	18.5	1.4
IDC	3,131,388	22.6%	4,223	13.3	3.0
VHE	2,013,296	0.6%	63	48.9	0.3

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HID	↑ 7.0%	1.8%	222	14.2	0.3
ABR	↑ 6.9%	8.2%	1,294	10.0	0.8
AGG	↑ 6.9%	6.3%	1,402	15.5	0.9
DXV	↑ 6.9%	-8.0%	(847)	-	0.6
BTP	↑ 6.8%	5.7%	1,114	12.5	0.8

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PHN	↑ 10.0%	39.6%	8,294	6.3	2.2
HGM	↑ 9.8%	33.8%	5,327	9.4	3.6
STP	↑ 9.8%	6.3%	1,114	8.3	0.5
HKT	↑ 9.8%	1.6%	185	22.2	0.4
BST	↑ 9.6%	13.6%	1,833	7.4	1.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	4,353,561	0.7%	115	479.1	3.4
BID	1,110,358	18.9%	3,773	13.0	2.3
VNM	688,621	26.2%	4,248	15.3	3.9
SAB	617,800	16.0%	3,234	16.8	2.6
VHM	604,448	20.2%	7,664	5.3	1.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	156,700	22.6%	4,223	13.3	3.0
LAS	129,500	12.0%	1,487	12.6	1.4
TNG	27,600	12.4%	1,917	10.5	1.2
SSM	10,000	7.0%	831	7.2	0.5
TKU	10,000	-1.3%	(145)	-	1.3

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	509,725	22.0%	5,910	15.4	3.1
BID	280,461	18.9%	3,773	13.0	2.3
VHM	177,658	20.2%	7,664	5.3	1.0
CTG	176,136	17.0%	3,706	8.8	1.4
VIC	169,962	6.1%	2,307	19.3	1.1

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	18,975	7.7%	2,148	18.5	1.4
IDC	18,546	22.6%	4,223	13.3	3.0
HUT	15,083	0.6%	89	190.8	1.3
SHS	14,881	5.7%	688	26.6	1.4
THD	13,590	2.9%	458	77.0	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DC4	2.38	16.4%	2,022	5.3	0.8
DRH	2.34	-6.1%	(768)	-	0.3
KSB	2.31	3.7%	931	23.0	0.8
FCN	2.27	-0.9%	(204)	-	0.7
TVB	2.25	10.4%	924	8.7	0.8

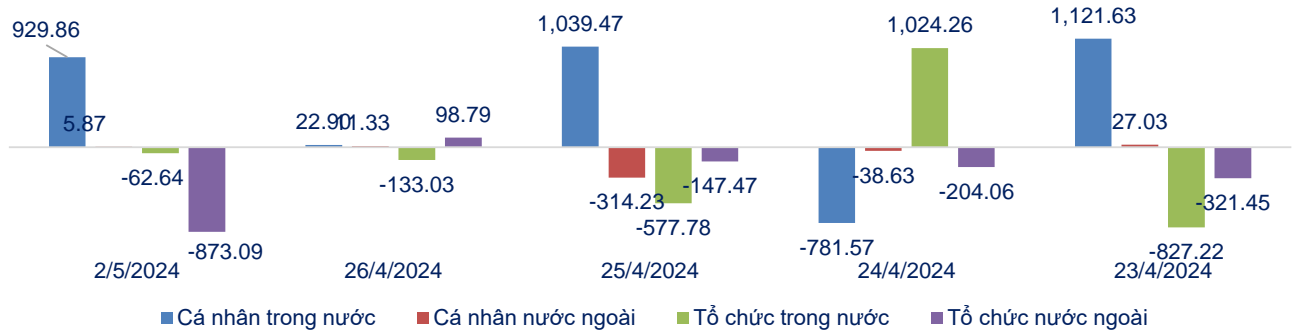
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HMR	4.01	9.2%	1,214	14.7	1.4
TKG	3.04	2.9%	294	20.1	0.6
SPC	2.73	-16.3%	(3,180)	-	0.6
HKT	2.50	1.6%	185	22.2	0.4
CEO	2.48	3.0%	402	45.0	1.5



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	299.84	0.7%	115	479.1	3.4
BWE	143.21	14.6%	3,680	11.4	1.6
SSI	92.56	10.1%	1,531	23.0	2.3
MSB	55.39	14.9%	2,310	5.9	0.8
VPB	54.08	8.9%	1,525	12.2	1.0

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-51.56	26.2%	4,248	15.3	3.9
REE	-46.01	9.4%	4,706	13.1	1.2
NLG	-45.10	3.6%	1,259	30.1	1.1
SAB	-34.56	16.0%	3,234	16.8	2.6
PVT	-33.77	11.4%	2,731	9.1	0.9

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
BIC	2.88	0.2%	53	539.1	1.2
SSI	1.67	10.1%	1,531	23.0	2.3
OCB	1.30	15.2%	2,115	6.5	1.0
VCI	0.91	8.2%	1,411	33.3	2.5
VNM	0.85	26.2%	4,248	15.3	3.9

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	-3.38	14.9%	2,310	5.9	0.8
HVN	-1.13	0.0%	(2,678)	-	-
BWE	-0.72	14.6%	3,680	11.4	1.6
BVH	-0.65	0.3%	101	389.8	1.3
DGC	-0.65	24.6%	7,884	15.1	3.6

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
BWE	326.66	14.6%	3,680	11.4	1.6
FUESSVFL	129.06	N/A	N/A	N/A	N/A
NLG	51.36	3.6%	1,259	30.1	1.1
REE	45.98	9.4%	4,706	13.1	1.2
CTG	35.81	17.0%	3,706	8.8	1.4

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	-539.49	0.7%	115	479.1	3.4
BID	-58.85	18.9%	3,773	13.0	2.3
MSB	-51.60	14.9%	2,310	5.9	0.8
STB	-31.29	18.3%	4,094	6.9	1.2
TCB	-29.68	15.2%	5,606	8.3	1.2

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	240.29	0.7%	115	479.1	3.4
BID	54.96	18.9%	3,773	13.0	2.3
VNM	44.11	26.2%	4,248	15.3	3.9
SAB	33.93	16.0%	3,234	16.8	2.6
VHM	24.45	20.2%	7,664	5.3	1.0

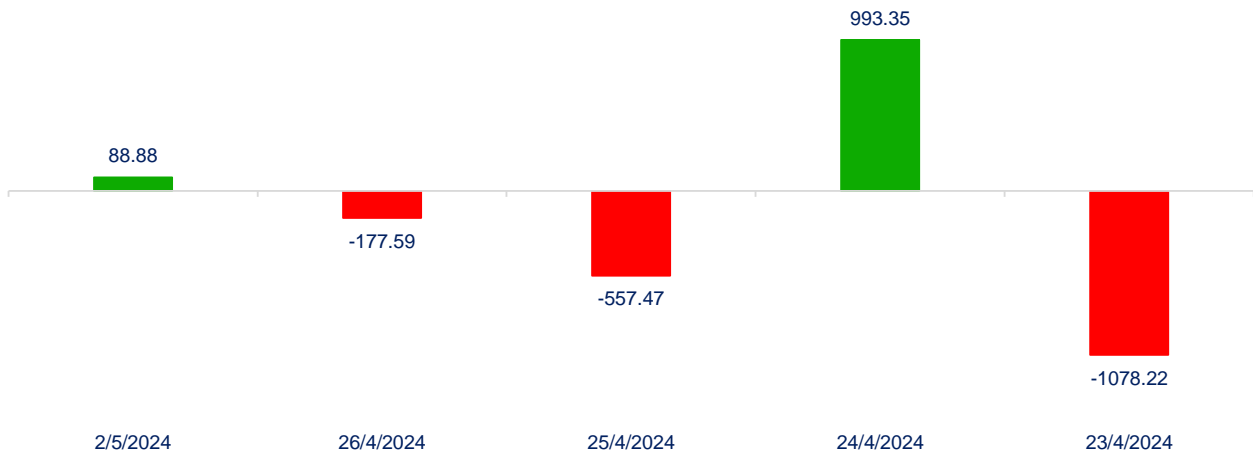
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
BWE	-469.14	14.6%	3,680	11.4	1.6
FUESSVFL	-129.01	N/A	N/A	N/A	N/A
SSI	-104.42	10.1%	1,531	23.0	2.3
CTG	-65.21	17.0%	3,706	8.8	1.4
DIG	-61.06	1.5%	195	142.8	2.1

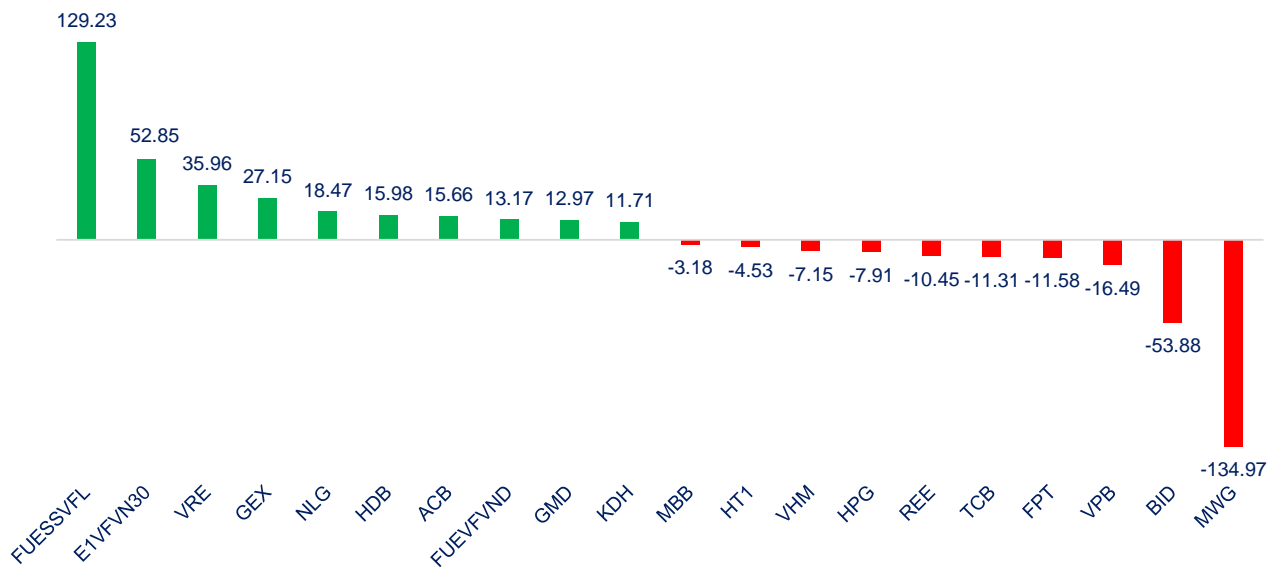


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn